

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG NĂNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **18/2020/HSST**

Ngày 06/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: Trần Hữu Nghị và bà Nguyễn Thị Kim Anh.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:*
Ông Phan Xuân Tạo, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/HSST ngày 27/3/2020, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN HỮU L**, (*Tên gọi khác:* Không), sinh năm 1983 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Quang V, sinh năm 1949 (đã chết) và bà: Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1955; hiện đang sinh sống tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 44/2011/HSST ngày 08/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Nguyễn Hữu L 06 tháng 28 ngày về tội “*Trộm cắp tài sản*” được trả tự do tại phiên tòa. Nhưng chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.
(*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

- *Người bị hại:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1985 và chị Phan Thị Thu L, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt tại phiên tòa*)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952. (*Có mặt*)

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Cảnh T, sinh năm 1971; (*Có mặt*) ông Nguyễn Bá H, bà Trần Thị N; (*Vắng mặt*) Đồng trú tại: Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

XÉT THẤY:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08^h00' ngày 10/9/2019, Nguyễn Hữu L đang đứng ở ngã ba xã E thì Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 47E1-167.24 đi qua, L rủ T đi mua ma túy để sử dụng thì T đồng ý. T chở L đi theo hướng từ xã E đi xã P, trên đường đi L rủ T đi tìm nhà nào sơ hở, không có người trông coi thì trộm sầu riêng bán lấy tiền mua ma túy, T đồng ý. Khi đến vườn sầu riêng của gia đình anh Trần Minh T ở thôn L, xã P thấy không có người trông coi, T đứng ngoài cánh giới còn L vào trong vườn dùng tay hái 03 quả sầu riêng Dona đưa ra ngoài. T dùng xe mô tô chở L cùng sầu riêng đến bán cho bà Trần Thị N được 350.000 đồng, xong L và T quay lại vườn anh Trần Minh T hái tiếp được 08 quả sầu riêng, L lấy bao xác rắn màu trắng đựng rác bên đường đổ rác lấy bao bỏ 06 quả sầu riêng vào trong bao, còn 02 quả nhỏ do nghĩ không bán được nên L để lại. Khi L và T đang bán sầu riêng cho bà N thì bị phát hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 73/KL – HĐĐGTS ngày 17/9/2019 và số 12/KL-HĐ ĐGTS ngày 20/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 11 quả Sầu riêng Dona trị giá 1.674.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố Nguyễn Hữu L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận như sau: Do muốn có tiền để mua ma túy, sáng ngày 10/9/2019 bị cáo đang đứng ở ngã ba E thấy Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô đi qua, L rủ T đi mua ma túy, trên đường đi L rủ T đi tìm nhà nào có tài sản trộm cắp lấy tiền mua ma túy thì T đồng ý. Khi đến vườn nhà anh Trần Minh T, T đứng ngoài cánh giới, còn L vào vườn hái 03 quả sầu riêng mang bán cho Trần Thị N được 350.000 đồng, sau đó cả hai quay lại L vào hái tiếp 08 quả và lấy 06 quả mang đi bán thì bị phát hiện.

Phản tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng: Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Hữu L từ **12** tháng đến **15** tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao Thái Lan không có giá trị sử dụng.

Bị cáo, bị hại không tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Hành vi lợi dụng không có người trông coi tài sản, bị cáo đã lén lút vào vườn của anh Trần Minh T hái trộm 11 quả sầu riêng mang đi bán, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b. Đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo nhận thức được rằng, tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác, thì bị pháp luật trừng trị thích đáng. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác, vì mục đích vụ lợi, sáng ngày 10/9/2019 Nguyễn Hữu L đã rủ Nguyễn Văn T đi tìm vườn nào không có người trông coi để vào hái trộm sầu riêng mang đi bán lấy tiền mua ma túy, bị cáo cùng Nguyễn Văn T đã lén lút vào hái trộm của gia đình anh Trần Minh T 11 quả sầu riêng, trị giá 1.674.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*). Mặc dù, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt chưa đến 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích. Nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố các bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để lượng hình. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng kết án 06 tháng 28 ngày tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” được trả tự do tại phiên tòa. Mặc dù các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa chấp hành xong khoản tiền bồi thường thuộc trường hợp chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, cần phải xử lý cho tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra. Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội

của mình, tài sản phạm tội có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho bị hại. Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình. Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không thể cho bị cáo tự cải tạo ngoài đời sống xã hội được, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo bị cáo trở thành công dân chấp hành pháp luật sau khi tái hòa nhập cộng đồng.

[4] Đối với Nguyễn Văn T là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với Linh, do giá trị tài sản trộm cắp chưa đủ yếu tố cấu thành tội, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp Nguyễn Văn T đã đương nhiên được xóa án tích, không có tiền án, tiền sự nên không xem xét xử lý hình sự mà xử lý về hành chính là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Đối với chị Trần Thị N là người mua sào riêng của bị cáo, nhưng chị N không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên không xem xét xử lý đối với chị N là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi phạm tội của bị cáo chiếm đoạt của ông Trần Minh T 11 trái sào riêng Dona, quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại 08 quả, còn 03 quả L và T đã bán cho chị N được 350.000 đồng nhưng bị hại không yêu cầu lấy lại số tiền này. Xét yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên không đặt ra để giải quyết.

[7] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Viettel; 01 con dao Thái lan; 350.000 đồng.

Đối với chiếc điện thoại Viettel của Nguyễn Văn T không phải là vật chứng liên quan đến vụ án và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47E1-167.24 của ông Nguyễn Văn C, bị cáo và Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, ông Công không biết, không có lỗi, nên chấp nhận Cơ quan Công an huyện Không Nằng trả lại các tài sản này cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với con dao Thái Lan thu giữ trong quá trình điều tra là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 350.000 đồng thu giữ của T, đây là tiền do L và T bán 03 quả sào riêng cho chị Trần Thị N, bị hại không yêu cầu lấy lại số tiền này, đây là tiền bất chính do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 09 (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp

+ *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không đặt ra đề giải quyết.

+ *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng trả lại chiếc điện thoại Viettel cho Nguyễn Văn T, xe mô tô biển kiểm soát 47E1-167.24 của ông Nguyễn Văn C, là các chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao Thái Lan có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2020 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 350.000 đồng do Cơ quan Công an huyện Krông Năng gửi vào tài khoản số 3949.0.9061544.00000 tại kho bạc Nhà nước huyện Krông Năng theo giấy nộp số 01/2020 ngày 28/02/2020.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật quy định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn